

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Lí lịch mẫu:

- Tên mẫu/*Name of sample*: Mẫu không khí trước và sau khi sử dụng thiết bị làm sạch không khí Airocide công nghệ NASA, Mỹ (viết tắt là thiết bị Airocide) ở Buồng phẫu thuật số 2 thuộc Khoa Gây mê Hồi sức, Buồng bệnh số 1 thuộc Khoa Hồi sức tích cực của Bệnh viện Phổi Trung ương
- Tên/địa chỉ khách hàng:
 - 1. Bệnh viện Phổi Trung ương;
 - 2. Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Việt Mỹ
- *Name/Address of customer*: Vietnam National Lung Health Hospital; Viet My Instructment and Technology Joint Stock Company.
- Mô tả mẫu/*Descriptin*: Mẫu không khí
- Ngày lấy mẫu/*Date of taking*: 04/12/2014; 05/12/2014; 08/12/2014; 12/12/2014; 15/12/2014
- Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking*: Cán bộ PTN Vi sinh – Khoa XN & PTKTC

2. Mục đích:

Thử nghiệm khả năng diệt khuẩn trong không khí của thiết bị Airocide công nghệ của NASA, Mỹ

3. Phương thức tiến hành:

3.1. Phương pháp lấy mẫu:

- Lấy mẫu không khí để xác định số lượng vi sinh vật chỉ điểm trong không khí theo Thường quy kỹ thuật Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường (Nhà xuất bản Y học năm 2002, trang 601-604).

- Địa điểm và thời gian lấy mẫu:

+ *Buồng phẫu thuật số 2 thuộc Khoa Gây mê Hồi sức, Bệnh viện Phổi Trung ương*

- Trước ca mổ: Trước khi sử dụng thiết bị Airocide; sau 11 giờ, 82 giờ và 7 ngày sau khi sử dụng thiết bị.
- Sau ca mổ: Trước khi sử dụng thiết bị Airocide; sau 14 giờ, 91 giờ và 7 ngày sau khi sử dụng thiết bị.
 - + *Buồng bệnh số 1 thuộc Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Phổi Trung ương*
- Trước khi sử dụng thiết bị Airocide; 89 giờ, 8 ngày và 11 ngày sau khi sử dụng thiết bị.

3.2. Phương pháp xét nghiệm:

- Môi trường Nutrien agar: xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí (TSVKHK) ở nhiệt độ nuôi cấy 37°C/48 giờ.
- Môi trường Sabouraud agar: xác định tổng số nấm mốc (TSNM) ở nhiệt độ 28°C/ 7-10 ngày.
- Môi trường thạch máu: xác định tổng số cầu khuẩn tan máu (TSCKTM) ở nhiệt độ nuôi cấy 37°C/24 giờ.

4. Kết quả thử nghiệm/Test result:

4.1. Buồng phẫu thuật số 2, Khoa Gây mê Hồi sức trước ca mổ:

Chỉ tiêu vi sinh	Vị trí lấy mẫu	Số vi sinh vật (CFU/1m ³ không khí)			
		Trước khi đặt thiết bị	Sau 11h	Sau 82h	Sau 7 ngày
1.TSVKHK	Vị trí 1	254	154	154	52
	Vị trí 2	205	257	154	0
	Vị trí 3	410	210	102	51
	Vị trí 4	202	102	259	0
	Vị trí 5	257	154	256	0
	Trung bình	266	175	185	21
2.TS nấm mốc	Vị trí 1	615	359	205	51
	Vị trí 2	410	308	113	61
	Vị trí 3	359	154	154	105
	Vị trí 4	307	362	205	154
	Vị trí 5	513	318	154	105
	Trung bình	441	300	166	95
3.TSCKTM	Vị trí 1	0	0	0	0
	Vị trí 2	0	0	0	0
	Vị trí 3	0	0	0	0
	Vị trí 4	0	0	0	0
	Vị trí 5	0	0	0	0
	Trung bình	0	0	0	0

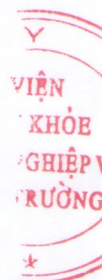
Ghi chú: TSVKHK: Tổng số vi khuẩn hiếu khí
TS nấm mốc: Tổng số nấm mốc
TSCKTM: Tổng số cầu khuẩn tan máu
KPH: Không phát hiện

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
Địa chỉ/Address: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: 043.97104341 (171) Email: khoaxetnghiem.nioch@gmail.com

4.2. Buồng phẫu thuật số 2, Khoa Gây mê Hồi sức sau ca mổ:

Chỉ tiêu vi sinh	Vị trí lấy mẫu	Số vi sinh vật (CFU/1m ³ không khí)			
		Trước khi đặt thiết bị	Sau 14h	Sau 91h	Sau 7 ngày
1.TSVKHK	Vị trí 1	202	257	259	51
	Vị trí 2	410	309	205	102
	Vị trí 3	205	257	259	0
	Vị trí 4	513	309	256	51
	Vị trí 5	462	310	307	52
	Trung bình	358	288	257	51
2.TS nấm mốc	Vị trí 1	256	102	51	52
	Vị trí 2	461	205	105	0
	Vị trí 3	256	257	154	102
	Vị trí 4	410	205	102	51
	Vị trí 5	513	0	154	0
	Trung bình	379	153	113	41
3.TSCKTM	Vị trí 1	0	0	0	0
	Vị trí 2	0	0	0	0
	Vị trí 3	0	0	0	0
	Vị trí 4	0	0	0	0
	Vị trí 5	0	0	0	0
	Trung bình	0	0	0	0

Ghi chú: TSVKHK: Tổng số vi khuẩn hiếu khí
TS nấm mốc: Tổng số nấm mốc
TSCKTM: Tổng số cầu khuẩn tan máu
KPH: Không phát hiện



BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
Địa chỉ/Address: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: 043.97104341 (171) Email: khoaxetnghiem.nioeh@gmail.com

4.3. Buồng bệnh số 1, Khoa Hồi sức tích cực:

Chỉ tiêu vi sinh	Vị trí lấy mẫu	Số vi sinh vật (CFU/1m ³ không khí)			
		Trước khi đặt thiết bị	Sau 89h	Sau 8 ngày	Sau 11 ngày
1.TSVKHK	Vị trí 1	1359	410	256	359
	Vị trí 2	923	616	562	262
	Vị trí 3	1231	634	321	213
	Vị trí 4	1692	926	359	308
	Vị trí 5	1128	821	513	256
	Trung bình	1267	681	402	280
2.TS nấm mốc	Vị trí 1	718	256	310	310
	Vị trí 2	564	564	256	261
	Vị trí 3	510	205	307	256
	Vị trí 4	564	231	307	256
	Vị trí 5	718	461	261	307
	Trung bình	615	343	288	278
3.TSCKTM	Vị trí 1	0	0	51	0
	Vị trí 2	151	102	0	51
	Vị trí 3	51	51	0	0
	Vị trí 4	154	51	52	51
	Vị trí 5	103	0	51	51
	Trung bình	92	41	31	30

Ghi chú: TSVKHK: Tổng số vi khuẩn hiếu khí
TS nấm mốc: Tổng số nấm mốc
TSCKTM: Tổng số cầu khuẩn tan máu
KPH: Không phát hiện

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2014

PHÒNG VI SINH

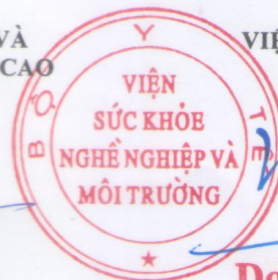
KHOA XÉT NGHIỆM VÀ
PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CAO
TRƯỞNG KHOA

VIỆN TRƯỞNG

Đàm Thương Thương

Đàm Thương Thương

Trần Quang Toàn



Doãn Ngọc Hải